

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2023

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Trần Hải Đăng
 2. Ông Đỗ Ngọc Thắng
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hồng Thảo - *Thư ký Tòa án*
- **Đại diện VKSND huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:** ông Vũ Đình Ước - *Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03/01/2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 /02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1977 (đề nghị xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Bản Đồng G, xã Xuân L, huyện Yên Thế, Bắc Giang.
Hiện ở: thôn Khe N, xã Hưng K, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1980 (đề nghị xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Bản Đồng G, xã Xuân L, huyện Yên Thế, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Thế V vào ngày 26/9/2002 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau thường xuyên xảy ra cãi vã nhau do anh V ghen tuông vô cớ. Chị đã về nhà nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay, không quan tâm liên lạc gì với anh V nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Nguyễn Thế V.

- Về nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 07/6/2004 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Nguyễn Thế V trình bày:

Anh kết hôn với chị N vào năm 2002, trước khi kết hôn có tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân L. Sau khi sống chung thời gian được khoảng 4 năm thì chị N đã bỏ về nhà ngoại sinh sống không về sống với anh, từ khi đi chị N không liên lạc với anh, vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay không ai quan tâm gì nhau nữa. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 07/6/2004 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thế V đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thế V. Về án phí chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1980, có nơi cư trú tại Bản Đồng G, xã Xuân L, huyện Yên Thế, Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị N, anh V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại Điều 227 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V kết hôn ngày ngày 26/9/2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân L nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2006 thì chị N đã bỏ về quê ngoại ở không về sống với anh V. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm gì nhau nữa. Nay chị N, anh V đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn nhưng các đương sự đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy, vợ chồng chị N, anh V ly thân đã lâu và đều đề nghị ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị N ly hôn anh V là phù hợp.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng chị N, anh V có 01 con chung là Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 07/6/2004 hiện đã trưởng thành, khỏe mạnh và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị N, anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thế V.
2. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009013 ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị Bùi Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Xuân Lương;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên